TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thế Khoa

Bà Nguyễn Thị Hằng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp C, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Qua quen biết chị và anh Nguyễn Ngọc P có tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh P không lo làm ăn mà đi nhậu với bạn bè, không chăm lo cho vợ con, theo chị T được biết anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chồng vẫn không thay đổi. Từ năm 2023 anh P đã bỏ gia đình chung sống với người kia. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Từ lúc ly thân anh P cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân với chị T.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/6/1993 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc P trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Thu T về quan hệ hôn nhân. Anh và chị T tiến đến hôn nhân vào năm 1992 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng anh có những mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày không thể hòa giải được. Hiện anh cũng không còn tình cảm với chị T nữa. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay, từ lúc ly thân hai người không có ý định hàn gắn hôn nhân vì cảm thấy không còn hòa hợp với nhau. Nay theo yêu cầu của chị T thì anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thu T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/6/1993 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Ngọc P vẫn bảo lưu ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Ngọc P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị T và anh P không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình là không có giá trị về mặt pháp lý.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Anh P và chị T đều thừa nhận quá trình chung sống giữa anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị đều không còn tình cảm với nhau. Hai người đã không còn chung sống từ đầu năm 2023 đến nay, quá trình ly thân cả hai cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, anh chị cũng xác định cả hai không còn tình cảm với nhau và cũng không muốn tiếp tục mối quan hệ vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Ngọc P.

[4] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/6/1993 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Ngọc P.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/6/1993 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004850 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka